TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Hoàng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Svào ngày 03/5/2019. Sau khi cưới vợ chồng anh chị về làm ăn và chung sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên

Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân Anh Tđi làm nhưng không mang tiền về lo cho gia đình và trang trải cuộc sống. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do không chịu đựng được nên vợ chồng chị cũng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có sinh được 01 con chung tên là Đỗ Trần Gia N, sinh ngày 22/7/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu, chị không yêu cầu Anh Tcấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Đỗ Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng Anh Tđều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay Anh Tcó đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T nhưng không sinh sống tại đây mà hai vợ chồng anh T, Chị A chung sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương. Theo lời khai của bà Trần Thị T là mẹ đẻ của Anh Tthì Anh Tvà Chị A tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống, làm ăn tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc bình thường. Sau đó đến khoảng năm 2022 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là gì thì bà không nắm rõ, hai anh chị sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay, Anh Tđi làm ăn xa, chỉ ngày lễ, tết mới về qua nhà, thỉnh thoảng có liên lạc về gia đình nhưng bà không nắm rõ địa chỉ mới của Anh Tnên không cung cấp cho Tòa án được. Gia đình bà có nhận được các văn bản của Tòa và có thông báo cho Anh Tbiết về việc Chị A có đơn xin ly hôn và Tòa án đang giải quyết nhưng Anh Tkhông về và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống Anh Tvà Chị A có một người con chung tên là Đỗ Trần Gia N, sinh ngày 22/7/2019, hiện nay cháu đang ở cùng Chị A. Về tài sản, đất đai, công nợ chung giữa hai anh chị không có gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Trần Thị A: Xử cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Giao cháu Đỗ Trần Gia N, sinh ngày 22/7/2019 cho chị Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị A không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Trần Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Văn T, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Anh Đỗ Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Đỗ Văn T có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T nhưng không sinh sống tại đây mà ở tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Tđi làm ăn xa, thi thoảng có về qua nhà mẹ đẻ của anh tại thôn Tân Bình, xã T, huyện Sơn Dương xong lại đi ngay; khi đi Anh Tkhông thông báo lại cho địa phương nên địa phương không nắm được địa chỉ làm việc cụ thể của anh Tuyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình Anh Tđã thông báo cho Anh Tbiết nhưng Anh Tvẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Đỗ Văn T vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Trần Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Đỗ Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2019 tại UBND thị trấn Snên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của Chị A và bà Tư là mẹ đẻ của Anh Tthì vợ chồng anh chị Tuyên, An sống ly thân từ năm 2022 đến nay không có quan hệ về tình cảm

và kinh tế với nhau nữa. Kết quả xác minh tại địa phương cũng cho thấy anh chị Tuyên, An ly thân vào năm 2022. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không tồn tại trong khoảng thời gian 01 năm trở lại đây; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị A và anh Đỗ Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A là xử cho Chị A được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng Chị A và Anh Tcó 01 người con chung tên là Đỗ Trần Gia N, sinh ngày 22/7/2019. Hiện cháu Nam đang ở cùng Chị A. Quá trình giải quyết vụ án, Chị A có nguyện vọng muốn được nuôi con. Xét thấy hiện anh Đỗ Văn T không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Đỗ Trần Gia N cho chị Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Trần Thị A không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Đỗ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trần Gia N, sinh ngày 22/7/2019 cho chị Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002624 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Anh Đỗ Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị A và anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND thị trấn S;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Quốc Thể - Hoàng Văn Hùng **Phạm Thị Thùy Trâm**

Số TK: **106 005 989 368**
VietinBank - Chi nhánh Tuyên Quang.

Số TK: **8101 61111 9888.**
Agribank - Chi nhánh Sơn Dương - Tuyên Quang.

Chủ TK: **Phạm Thị Thuỳ Trâm**
Số ĐT: **0912 430 483**